SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội
Giờ ký: 25/06/2026 10:56:30

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37/2026/NQ-HĐND	*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Thực hiện điểm đ khoản 2 Điều 24 Luật Thủ đô)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm trên địa bàn thành phố Hà Nội; Tờ trình bổ sung số 262/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 50/BC-KTNS ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 244/BC-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 24 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, nông nghiệp, đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, xây dựng.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nông nghiệp sinh thái* là hệ thống sản xuất dựa vào tự thúc đẩy và khai thác các tiến trình tự nhiên (phân hủy hữu cơ, cân bằng sinh học, tái tạo đất, dinh dưỡng đất) trên cơ sở tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học.

2. *Nông nghiệp kết hợp với du lịch, giáo dục trải nghiệm* là hình thức kết hợp giữa hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động tham quan, trải nghiệm quá trình sản xuất nông nghiệp, môi trường tự nhiên của du khách, người dân.

3. *Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp* bao gồm: lán, trại để phục vụ cho người lao động, công trình sơ chế, bảo quản nông sản, chứa nông cụ, dụng cụ, vật tư nông nghiệp và các công trình phụ trợ khác có tính chất tương tự.

4. *Công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm* bao gồm: khu xử lý môi trường, phụ phẩm nông nghiệp; công trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, trưng bày, giới thiệu sản phẩm; khu đón tiếp, quản lý đào tạo, dịch vụ; khu sinh thái, mô hình chăn nuôi, trồng trọt, vui chơi giải trí và các công trình phụ trợ khác có tính chất tương tự.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phù hợp với quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch khác có liên quan; tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, đất đai, xây dựng và pháp luật khác liên quan;

b) Phải có phương án chủ động và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong

mùa mưa lũ, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, lũ lụt gây ra; không làm gia tăng rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường, nguồn nước.

2. Được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Sử dụng công trình trên đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi đúng mục đích; không được sử dụng vào mục đích để ở; không chứa hóa chất độc hại.

Chương II
CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi để sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái

1. Về công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

a) Điều kiện được sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

Khu đất có diện tích từ 1.000m^2 trở lên (bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng một người sử dụng đất).

Vị trí xây dựng, lắp dựng công trình nằm ngoài phạm vi bảo vệ đê điều, thủy lợi, không thuộc khu vực sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở nguy hiểm; có cao độ tự nhiên tương đương mực nước lũ báo động I tại khu vực trở lên.

b) Diện tích công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

Tối đa 10 m^2 đối với khu đất có quy mô từ 1.000 m^2 đến 5.000 m^2;

Tối đa 15 m^2 đối với khu đất có quy mô từ trên 5.000 m^2 đến 10.000 m^2;

Tối đa 20 m^2 đối với khu đất có quy mô trên 10.000 m^2 trở lên.

c) Hình thức công trình: 01 tầng, chiều cao không quá 4,0 m, không có tầng hầm; kết cấu công trình bán kiên cố, dễ tháo dỡ, mái lợp vật liệu nhẹ.

2. Được lắp dựng công trình dạng nhà màng, nhà lưới, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, tháo lắp dễ dàng (cột tre, gỗ, thép) nhưng không xây dựng tường bao, tường rào, không lợp mái, không san lấp, tôn cao bãi sông hiện trạng.

Điều 6. Việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm

1. Điều kiện sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm và công trình hạ tầng kỹ thuật khác (không bao gồm khu chăn nuôi tập trung, khu trồng cây lâu năm), bao gồm:

a) Tổng diện tích khu đất từ 10.000 m^2 trở lên (bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng một người sử dụng đất);

b) Phương án sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm, trong đó bao gồm giải pháp thiết kế xây dựng công trình trên đất;

c) Vị trí xây dựng công trình nằm ngoài phạm vi bảo vệ đê điều, thủy lợi; không thuộc khu vực sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở nguy hiểm; không thường xuyên chịu ảnh hưởng ngập, lụt, cao độ tự nhiên tương đương mực nước lũ báo động I tại khu vực trở lên; nằm ngoài chỉ giới hành lang thoát lũ đối với hệ thống sông Đáy; nằm trong khu vực bãi sông được nghiên cứu xây dựng đối với hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

2. Tổng diện tích xây dựng các công trình không vượt quá *5%* phần diện tích khu đất nằm ngoài chỉ giới hành lang thoát lũ đối với hệ thống sông Đáy, hoặc thuộc khu vực bãi sông được nghiên cứu xây dựng đối với hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (không bao gồm công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung) và tuân thủ theo các quy hoạch được phê duyệt (nếu có).

3. Hình thức, kết cấu công trình bán kiên cố, sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường, dễ dàng tháo dỡ, di chuyển; công trình xây dựng 01 tầng, chiều cao không quá 6,0 m và không có tầng hầm.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền chấp thuận xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Đơn đề nghị xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp *(Mẫu đơn 01 kèm theo Nghị quyết này)*;

b) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Sơ đồ khu đất và dự kiến vị trí, quy mô, kết cấu công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp;

d) Cam kết chấp hành các quy định *(Mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này).*

2. Trình tự, thủ tục:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái: nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính/cổng dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.

3. Thẩm quyền, thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét chấp thuận, gia hạn xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái. Trường hợp khu đất thuộc địa bàn từ 2 xã trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng, lắp dựng chấp thuận.

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thẩm quyền chấp thuận phương án sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp gồm:

a) Văn bản đề nghị sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm *(Mẫu số 02 kèm theo Nghị quyết này)*;

b) Phương án sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm *(Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này)*;

c) Giấy chứng nhận đã cấp hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Cam kết chấp hành các quy định *(Mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này)*.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Cá nhân có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm: nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.

b) Tổ chức có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm hoặc thuộc địa giới hành chính từ 2 xã trở lên, nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến đến Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thẩm quyền chấp thuận, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận, gia hạn hoặc không chấp thuận, không gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đối với tổ chức và phương án thuộc địa bàn 2 xã trở lên;

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định phương án, thẩm định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đối với tổ chức và phương án thuộc địa bàn 2 xã trở lên, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận. Tham gia ý kiến đối với phương án sử dụng đất kết hợp đối với cá nhân thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi được lấy ý kiến;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận, gia hạn hoặc không chấp thuận, không gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đối với cá nhân thuộc địa bàn quản lý. Trường hợp thấy cần thiết, trước khi chấp thuận phương án, Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Thời gian giải quyết:

a) Thời gian thẩm định, chấp thuận phương án không quá 15 ngày làm việc đối với tổ chức và không quá 10 ngày làm việc đối với cá nhân;

b) Thời gian gia hạn phương án không quá 10 ngày làm việc đối với tổ chức và không quá 10 ngày làm việc đối với cá nhân.

Điều 9. Thẩm quyền cho thuê đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi để sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm

1. Trừ các trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; Nhà nước cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với diện tích đất chưa sử dụng tại bãi sông, bãi nổi để sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm. Khi thực hiện thủ tục cho thuê đất, thực hiện đồng thời thủ tục chấp thuận phương án sử dụng, khai thác đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thẩm quyền cho thuê đất:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho thuê đất đối với tổ chức và cho thuê đất thuộc địa bàn 2 xã trở lên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất đối với cá nhân.

3. Thời hạn tối đa cho thuê đất nông nghiệp là 10 năm.

Điều 10. Trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát, giải trình và trách nhiệm của người sử dụng đất

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi, việc xây dựng công trình trên đất theo đúng quy định tại Nghị quyết này và kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung.

2. Cơ quan được giao thẩm quyền chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp, chấp thuận xây dựng, lắp dựng công trình trên đất có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo đúng quy định; công khai phương án sử dụng đất kết hợp được chấp thuận (thông tin về người sử dụng đất, diện tích, mục đích sử dụng đất kết hợp) để cộng đồng dân cư và các cơ quan giám sát có thể theo dõi; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về đất đai, nông nghiệp, đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện đúng phương án sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm được chấp thuận; có phương án đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng dịch vụ; sử dụng công trình xây dựng, lắp dựng trên đất nông nghiệp đúng mục đích, tuân thủ quy định pháp luật về đê điều, phòng chống thiên tai, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

5. Trong quá trình sử dụng đất kết hợp mà người sử dụng đất không tiếp tục sử dụng theo phương án đã được chấp thuận thì phải có văn bản gửi Ủy ban

nhân dân cấp xã và phải tháo dỡ công trình, khôi phục lại để đủ điều kiện tiếp tục sử dụng vào mục đích chính theo quy định. Khi hết thời hạn sử dụng đất vào mục đích kết hợp mà không được gia hạn, tổ chức, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm tháo dỡ công trình, khôi phục lại để đủ điều kiện sử dụng đất vào mục đích chính theo phương án đã được chấp thuận.

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Mọi hành vi vi phạm về sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội đều được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đất đai, xây dựng, đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai và pháp luật khác có liên quan.

2. Người sử dụng đất có sai phạm sẽ bị xem xét thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; việc xử lý tài sản trên đất (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung quy định về việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp các sở ngành, đơn vị liên quan tổng kiểm tra, rà soát, xử lý vi phạm, không để phát sinh vi phạm về sử dụng đất tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê thuộc địa bàn quản lý;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định;

d) Thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc thay đổi trong các quy định của pháp luật, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân; các Ban của Hội đồng nhân dân; các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Cục KTVB và tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ VN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐNDTP, UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phùng Thị Hồng Hà

PHỤ LỤC 1:
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP KẾT HỢP DU LỊCH, GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Nội dung phương án sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm gồm:

1. Thông tin về người sử dụng đất; thửa đất, khu đất đang sử dụng vào mục đích chính (vị trí, diện tích, mục đích sử dụng, hình thức sử dụng đất; thời gian sử dụng đất); diện tích đất sử dụng kết hợp (vị trí, diện tích, mục đích sử dụng, thời gian sử dụng kết hợp).

2. Sơ đồ, bản đồ thửa đất, khu đất sử dụng vào mục đích kết hợp.

3. Phương án xây dựng, cải tạo, lắp dựng công trình vào mục đích kết hợp, gồm: Bản vẽ tổng mặt bằng thửa đất, trong đó thể hiện cao độ hiện trạng và vị trí, kích thước các công trình dự kiến xây dựng, lắp dựng; bản vẽ thiết kế chi tiết và giải pháp kết cấu, nền móng từng hạng mục công trình, hạ tầng kỹ thuật và thể hiện những nội dung liên quan đến đê điều, thoát lũ.

4. Các kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường (nếu có).

5. Phương án tháo dỡ công trình, khôi phục lại để đủ điều kiện sử dụng đất vào mục đích chính khi hết thời hạn sử dụng vào mục đích kết hợp.

PHỤ LỤC 2:
CÁC MẪU HƯỚNG DẪN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kèm theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Mẫu số 01: Đơn đề nghị xây dựng, lắp dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày .... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG, LẮP DỰNG CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ TRỰC TIẾP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kính gửi: Ủy ban nhân dân[1] ……..

1. Người sử dụng đất[2]: ……
2. Địa chỉ/trụ sở chính: ……
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): ……
4. Thông tin về thửa đất/khu đất đang sử dụng:

4.1. Thửa đất số:……; 4.2. Tờ bản đồ số:……

4.3. Diện tích đất (m^2): ……

4.4. Mục đích sử dụng đất[3]: ……

4.5. Thời hạn sử dụng đất: ……

4.6. Tài sản gắn liền với đất hiện có: ……..

4.7. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...): ……..

4.8. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đã cấp:

- Số phát hành: ...; Số vào sổ:……., Ngày cấp:……

5. Nội dung phương án xây dựng, lắp dựng:

+ Diện tích xây dựng, lắp dựng:….m^2 + Chiều cao công trình:……m

+ Cao độ nền hiện trạng:….m + Cấp công trình:…….

6. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có[4]: ……

7. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có): ……

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 02: Đơn đề nghị sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng ….. năm …..

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP KẾT HỢP DU LỊCH, GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân[1] ……..

1. Người sử dụng đất[2]: ……
2. Địa chỉ/trụ sở chính: ……
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): ……
4. Thông tin về thửa đất/khu đất đang sử dụng:

4.1. Thửa đất số:……; 4.2. Tờ bản đồ số:……

4.3. Diện tích đất (m^2): ……

4.4. Mục đích sử dụng đất[3]: ……

4.5. Thời hạn sử dụng đất: ……

4.6. Tài sản gắn liền với đất hiện có: ……..

4.7. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...): ……..

4.8. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đã cấp:

- Số phát hành: ...; Số vào sổ:……., Ngày cấp:……

5. Nội dung đề nghị sử dụng đất kết hợp:

5.1. Mục đích sử dụng đất kết hợp: ……..

5.2. Diện tích sử dụng đất kết hợp: ……

5.3. Lý do: ……

6. Nội dung phương án xây dựng, lắp dựng:

- Công trình xây dựng thứ …

+ Diện tích xây dựng:…..m^2 + Chiều cao công trình:……m

+ Cao độ nền hiện trạng:….m + Cấp công trình:…….

7. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có[4]: ……

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có): ……

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

[1] Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất kết hợp

[2] Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

[3] Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư/quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư/quyết định dự án... thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy tờ đã cấp.

[4] Giấy tờ quy định tại trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai.

Mẫu số 03: Đơn xin gia hạn sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm ....

ĐƠN XIN GIA HẠN SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân[1]…….

1. Người xin gia hạn sử dụng đất[2]:……
2. Địa chỉ/trụ sở chính: ……
3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): ……
4. Thông tin về thửa đất/khu đất đang sử dụng:

4.1. Thửa đất số: ……; 4.2. Tờ bản đồ số: ……

4.3. Diện tích đất (m^2): ……

4.4. Mục đích sử dụng đất[3]:……

4.5. Thời hạn sử dụng đất: ……

4.6. Tài sản gắn liền với đất hiện có: ……..

4.7. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., huyện..., tỉnh...):……

4.8. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đã cấp:

- Số phát hành: ...; Số vào sổ:……., Ngày cấp: ……

5. Nội dung đề nghị gia hạn:

5.1. Thời gian đề nghị gia hạn sử dụng đất: ... đến ngày... tháng... năm….

5.2. Lý do gia hạn sử dụng đất: ……

6. Giấy tờ nộp kèm theo đơn này gồm có[4]: ……

7. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có): ……

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

[1] Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

[2] Đối với cá nhân, người đại diện thì ghi rõ họ tên và thông tin về số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Căn cước công dân hoặc số định danh hoặc Hộ chiếu...; đối với tổ chức thì ghi rõ thông tin như trong Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...

[3] Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư/quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư/quyết định dự án... thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy tờ đã cấp.

[4] Giấy tờ quy định tại trình tự, thủ tục trong lĩnh vực đất đai.

Mẫu số 04: Bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ /2026/NQ-HĐND NGÀY 15/6/2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Họ và tên: ……

2. Ngày sinh: ……

3. Nơi đăng ký thường trú: ……

4. Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu:……

5. Địa chỉ: ……

6. Điện thoại: ……

7. Tổ chức/doanh nghiệp □

Cá nhân, hộ gia đình □

(Nếu là tổ chức ghi đầy đủ thông tin vào các mục 8, 9,10)

*8. Tên t*ổ chức*:* ……

9. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp):

- Số: ……
- Ngày cấp: ……
- Đơn vị cấp: ……
- Địa điểm, vị trí hoạt động (Vị trí Km/Tuyến đê/Địa danh): ……

10. Sau khi được phổ biến và nghiên cứu các quy định pháp luật về đê điều, phòng,chống thiên tai, quy định pháp luật khác có liên quan và Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê trên địa bàn thành phố Hà Nội.

…… đã nhận thức đầy đủ về trách nhiệm, nghĩa vụ của đơn vị đối với việc chấp hành pháp luật của Nhà nước.

…… cam kết như sau:

- Chấp hành nghiêm các quy định của Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định pháp luật có liên quan. Tuyệt đối không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai.

- Chấp hành nghiêm các quy định tại Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định việc sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; cam kết không san lấp, tôn cao bãi sông hiện có; tự tháo dỡ công trình, không

được bồi thường công trình khi hết thời gian tồn tại hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi.

- Thực hiện đúng nội dung trong văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp tại bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đê.

- Sử dụng công trình đúng mục đích, không sử dụng vào mục đích để ở và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Trong quá trình sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp, nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật thì tự nguyện chịu trách nhiệm về thiệt hại (nếu có).

Biên bản này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ	**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÝ CAM KẾT**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*